

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**  
**Năm 2019**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103488607
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 25.000.000.000 (Hai trăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: 187 B phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 35121601
- Số fax: 024 32123278
- Website: [www.xbgdhn.vn](http://www.xbgdhn.vn)
- Mã cổ phiếu: EPH

*Quá trình hình thành và phát triển*

- Công ty thành lập ngày 05/03/2009.
- Các sự kiện khác

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

*3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị: theo mô hình công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý: theo cơ cấu công ty cổ phần
- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

*4. Định hướng phát triển*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: là đơn vị dẫn đầu trong hệ thống NXBGD Việt Nam nói riêng và trong ngành xuất bản nói chung trong công tác tổ chức bản thảo SGK, SBT, STK phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh Việt Nam.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trở thành đơn vị dẫn đầu trong ngành nghề kinh doanh chính
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: đảm bảo học sinh có đầy đủ SGK phục vụ học tập, đảm bảo xuất bản phẩm do công ty cung cấp luôn có chất lượng cao

5. Các rủi ro: do thay đổi chương trình SGK dẫn đến phải thay đổi hầu hết sản phẩm hiện hành

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: đảm bảo tốt kế hoạch và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2019:

| T<br>T | Tên tổ<br>chức/cá nhân  | Chức<br>vụ tại<br>công ty | Số<br>CMTND/ĐK<br>KD | Ngày cấp<br>CMTND/<br>ĐKKD | Nơi cấp<br>CMTND/<br>ĐKKD                        | Địa chỉ                                                                        | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ<br>sở<br>hữu<br>CP<br>cuối<br>kỳ |
|--------|-------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|
| 1      | Trần Quang<br>Vinh      | CT<br>HĐQT                | 012076569            | 27/09/2012                 | Hà Nội                                           | Số 220, phố Quan<br>Nhân, P Nhân<br>Chính, Q Thanh<br>Xuân, Hà Nội             | 0                                   | 0%                                     |
| 2      | Quách Tất<br>Kiên       | UV<br>HĐQT                | 012314412            | 27/11/2011                 | Hà Nội                                           | Phòng 307, nhà 3<br>tầng, tổ 11, Tân<br>Mai, Hoàng Mai,<br>Hà Nội              | 0                                   | 0%                                     |
| 3      | Phạm Thị<br>Hong        | UV<br>HĐQT;<br>GD         | 011781965            | 26/08/2005                 | Hà Nội                                           | Số 16, Yên Hòa,<br>Cầu Giấy, Hà Nội                                            | 10.600                              | 0,42%                                  |
| 4      | Nguyễn Hiền<br>Trang    | UV<br>HĐQT;<br>PGD        | 011701792            | 26/10/2007                 | Hà Nội                                           | Số 2, ngõ 18<br>Huỳnh Thúc<br>Kháng, Láng Hạ,<br>Đống Đa, Hà Nội               | 1.000                               | 0,04%                                  |
| 5      | Nguyễn Thanh<br>Tùng    | UV<br>HĐQT                | 013155424            | 12/03/2009                 | Hà Nội                                           | OCT2-P1102,<br>Bắc Linh Đàm,<br>Hà Nội                                         | 24.250                              | 0,97%                                  |
| 6      | Nguyễn Thị<br>Trà Giang | Trưởng<br>BKS             | 001188000739         | 24/04/2014                 | Cục CS<br>ĐKQL cư<br>trú và<br>DLQG về<br>dân cư | Số 12, ngách<br>7/16, ngõ 7 Thái<br>Thịnh, P Ngã Tư<br>Sở, Q Đống Đ, Hà<br>Nội | 0                                   | 0%                                     |
| 7      | Vũ Thị Hương<br>Giang   | UV<br>BKS                 | 001172000566         | 06/11/2013                 | Cục CS<br>ĐKQL cư<br>trú và                      | Số 8, dãy 39, TT<br>Bách Khoa, Hai<br>Bà Trưng, Hà Nội                         | 12.900                              | 0,51%                                  |

| T<br>T | Tên tổ<br>chức/cá nhân | Chức<br>vụ tại<br>công ty | Số<br>CMTND/ĐK<br>KD | Ngày cấp<br>CMTND/<br>ĐKKD | Nơi cấp<br>CMTND/<br>ĐKKD | Địa chỉ                                                                     | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ<br>sở<br>hữu<br>CP<br>cuối<br>kỳ |
|--------|------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|
|        |                        |                           |                      |                            | DLQG về<br>dân cư         |                                                                             |                                     |                                        |
| 8      | Phạm Đình<br>Lượng     | UV<br>BKS                 | 013660880            | 22/12/2013                 | Hà Nội                    | P903, CC C37,<br>Bắc Hà, Tổ Hữu,<br>Phùng Khoang,<br>Nam Từ Liêm, Hà<br>Nội | 5.900                               | 0,24%                                  |
| 9      | Vũ Văn<br>Dương        | PGĐ                       | 010565893            | 29/04/2005                 | Hà Nội                    | 16/118 Quan Hoa,<br>Cầu Giấy, Hà Nội                                        | 20.000                              | 0,8%                                   |

- Những thay đổi trong ban điều hành: HĐQT miễn nhiệm 03 đồng chí và bổ nhiệm mới 03 đồng chí; Ban Kiểm soát miễn nhiệm 01 đồng chí và bổ nhiệm mới 01 đồng chí.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 105 CBCNV.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết: không

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2018       | Năm 2019       | % tăng<br>giảm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 71.099.768.030 | 70.293.391.917 | -1,1%          |
| Doanh thu thuần                   | 69.692.870.957 | 69.255.169.646 | -0,6%          |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.978.445.275  | 5.267.771.667  | 5,8%           |
| Lợi nhuận khác                    | 189.557.184    | -38.371.723    |                |
| Lợi nhuận trước thuế              | 5.168.002.459  | 5.229.399.944  | 1,2%           |
| Lợi nhuận sau thuế                | 3.982.635.626  | 4.150.522.995  | 4,2%           |
| Tỷ lệ trả cổ tức                  | 10%            | 10%            |                |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu                           | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:       |          |          |         |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn       | 3,10     | 1,14     |         |

| Chỉ tiêu                                                                           | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn | 3,02     | 1,08     |         |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                                   |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                            | 0,54     | 0,54     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                          | 1,21     | 1,16     |         |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                           |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân               | 40,60    | 31,60    |         |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                                       | 0,98     | 0,98     |         |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                            |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                         | 0,057    | 0,060    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                          | 0,123    | 0,127    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                            | 0,056    | 0,059    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần .....                    | 0,071    | 0,076    |         |

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 2.500.000 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

|          | Cơ cấu cổ đông                                  | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|----------|-------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>       |                    |                       |
|          | Cổ đông tổ chức                                 | 1.576.313          | 63,05                 |
|          | Cổ đông cá nhân                                 | 923.687            | 36,95                 |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài</b> |                    |                       |
|          | Cổ đông trong nước                              | 2.500.000          | 100%                  |
|          | Cổ đông nước ngoài                              | 0                  |                       |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác:

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: đảm bảo thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2019

2. *Tình hình tài chính*: về cơ bản năm 2019 có tình hình tài chính ổn định

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*: đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông thường niên.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*: thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội cổ đông, hội đồng quản trị. Luôn nỗ lực để hoàn thành tốt kế hoạch và nhiệm vụ được giao.

#### **VI. Báo cáo tài chính**

1. *Ý kiến kiểm toán*: kèm theo

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*: kèm theo

 **XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**PHẠM THỊ HỒNG**

